

BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI VIỆN DỆT MÂY THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU VIỆN DỆT MÂY

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39412626

Fax: (84.24) 39347818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



VTRI

VIỆN DỆT MÂY

Địa chỉ: Số 478 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 38624025

Fax: (84-24) 38622867

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 10,11 - Tháp BIDV số 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39352722

Fax: (84-24) 22200669

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ VÀ CÁC ĐẠI LÝ ĐẤU GIÁ THEO QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ.

Tháng 01/2018

Mục lục

PHẦN I: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN VIỆN DỆT MAY	5
1. Thông tin về đợt chào bán	5
2. Quy mô và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	6
2.1. Quy mô vốn điều lệ dự kiến	6
2.2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến.....	6
3. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT	6
PHẦN II: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	8
1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	8
1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành Công ty Cổ phần...8	
1.2. Cơ sở pháp lý về chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần.....	8
2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	10
2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.....	10
2.2. Tổ chức phát hành.....	10
2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước.....	10
3. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	11
3.1. Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần.....	11
3.2. Đại diện Tổ chức phát hành	11
3.3. Tổ chức tư vấn	11
PHẦN III: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA VIỆN DỆT MAY TRƯỚC CHUYỂN ĐỔI.....	12
1. TỔNG QUAN VỀ VIỆN DỆT MAY.....	12
1.1. Giới thiệu về Viện Dệt May	12
1.2. Hồ sơ pháp lý về thành lập Viện Dệt May.....	12
1.3. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh	12
1.4. Lịch sử hình thành và phát triển.....	15
1.5. Các thành tích của Viện:.....	15
1.6. Mô hình tổ chức và quản lý	16

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA VIỆN DỆT MAY 03 NĂM TRƯỚC KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP:	17
2.1. Tổng quan về tình hình hoạt động của Viện Dệt May trước khi chuyển đổi thành Công ty Cổ phần:	17
2.2. Trình độ công nghệ:	21
2.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển	21
2.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	21
2.5. Hoạt động marketing:	21
2.6. Các khách hàng lớn:	21
2.7. Thực trạng về tài chính của Viện Dệt may từ 2014 – 2017:	22
2.8. Vị thế của Viện Dệt May trong ngành	23
2.9. Tình hình lao động tại thời điểm lập phương án chuyển đổi thành Công ty Cổ phần	25
3. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	26
3.1. Tổng giá trị tài sản của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	26
3.2. Thực trạng tài sản cố định của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	27
3.3. Thực trạng về tình hình công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:	28
3.4. Thực trạng về đất đai đang sử dụng	28
3.5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý	30
PHẦN IV: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP	31
1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP	31
1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản	31
1.2. Ngành nghề kinh doanh	31
1.3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	32
1.4. Hình thức pháp nhân	33
1.5. Mô hình tổ chức	35
2. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	36
2.1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động	36
2.2. Kế hoạch tuyển dụng	36
3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	37
4. KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	38
4.1. Chiến lược và mục tiêu	38

Các hoạt động chính.....	38
4.3. Một số chỉ tiêu kinh tế trong 05 năm liền kể sau chuyển đổi thành CTCP	40
4.4. Các giải pháp thực hiện.....	41
5. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN.....	43
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	44
1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	44
1.1. Rủi ro về kinh tế.....	44
1.2. Rủi ro kinh doanh.....	45
1.3. Rủi ro của đợt chào bán.....	46
2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	46
2.1. Chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư đại chúng (IPO).....	46
2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động	47
2.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	49
2.4. Các giải pháp xử lý cổ phần không bán hết.....	50
3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC BÁN CỔ PHẦN.....	51
3.1. Dự toán chi phí.....	51
3.2. Quản lý và sử dụng tiền thu được.....	52
PHẦN VI: KẾT LUẬN	54

PHẦN I: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN VIỆN DỆT MAY

1. Thông tin về đợt chào bán

Số lượng cổ phần bán đầu giá	2.263.000 cổ phần
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm	12.583 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu	100 cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được mua tối đa ..	2.263.000 cổ phần
Phương thức đấu giá	Đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Đối tượng tham gia	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đầu giá cổ phần lần đầu của Viện Dệt May
Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin đầu giá ..	Tại các đại lý đầu giá được công bố trong Quy chế đầu giá. Bản công thông tin được đăng tải trên website http://www.hnx.vn ; http://bsc.com.vn ; http://viendetmay.org.vn ; và website của các đại lý đầu giá
Địa điểm đăng ký tham dự đầu giá	Tại các đại lý đầu giá được công bố trong Quy chế bán đầu giá cổ phần lần đầu của Viện Dệt May
Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và nhận Phiếu đầu giá	Theo quy định trong Quy chế bán đầu giá cổ phần lần đầu của Viện Dệt May
Quy chế về nộp tiền đặt cọc	Đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đầu giá ..	Theo quy định trong Quy chế bán đầu giá cổ phần lần đầu của Viện Dệt May
Địa điểm tổ chức đầu giá	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, địa chỉ số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua được cổ phần	Theo quy định trong Quy chế bán đầu giá cổ phần lần đầu của Viện Dệt May

2. Quy mô và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

2.1. Quy mô vốn điều lệ dự kiến

Trên cơ sở nguyên tắc để xác định quy mô vốn điều lệ và căn cứ pháp lý, quy mô vốn điều lệ dự kiến của Viện Dệt May để thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần được trình bày trong bảng sau:

Quy mô vốn điều lệ dự kiến	Giá trị (đồng)
Giá trị phần vốn của Nhà nước theo số liệu trên sổ kế toán tại thời điểm XDGTĐN.....	50.983.829.884
Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để CPH	50.000.000.000
Tổng quy mô vốn điều lệ	50.000.000.000

2.2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá		Tỷ lệ
			(đồng)	
Nhà nước	0	0	0	0,00%
Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho người lao động tại đơn vị.....	474.000	4.740.000.000		9,48%
<i>Ưu đãi theo năm làm việc</i>	<i>169.200</i>	<i>1.692.000.000</i>		<i>3,38%</i>
<i>Mua thêm</i>	<i>304.800</i>	<i>3.048.000.000</i>		<i>6,1%</i>
Cổ phần chào bán công khai trong đợt IPO....	2.263.000	22.630.000.000		45,26%
Cổ phần chào bán cho NĐTCL.....	2.263.000	22.630.000.000		45,26%
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000		100,00%

3. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT

“TRI”, “VTRI”, “Viện Dệt May”, “Viện Nghiên cứu Dệt May – Công ty cổ phần” “Công ty”; “Viện”	Viện Dệt May
“Tập đoàn”. “Tập Đoàn Dệt May Việt Nam”, “Vinatex”	Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
“Nghị định 59”	Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Nghị định 189”	Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Nghị định 116”	Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của

	Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Quyết định 58”	Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020
BKHCN	Bộ Khoa học Công nghệ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty Cổ phần
GTDN	Giá trị doanh nghiệp
KHCN	Khoa học công nghệ
NĐTCL	Nhà đầu tư chiến lược
NCCGĐT	Nghiên cứu chuyển giao đào tạo
SX TM DV	Sản xuất Thương mại Dịch vụ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
UBND	Ủy ban nhân dân
XĐGTDN	Xác định giá trị doanh nghiệp

PHẦN II: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành Công ty Cổ phần:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức Khoa học và công nghệ công lập;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 116/2015/NĐ/CP sửa đổi bổ sung nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;
-
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

1.2. Cơ sở pháp lý về chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần

- Công văn số 1569/TTg-ĐMDN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam;

- Quyết định số 4553/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21 tháng 11 năm 2016 về việc chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 4770/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 4923/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần;
- Công văn số 12563/BCT-CNN của Bộ Công Thương ngày 28 tháng 12 về việc triển khai cổ phần hóa Viện Dệt May, Viện Mẫu Thời trang;
- Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa;
- Công văn số 4789/BCT-TCCB ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện chính sách lao động dôi dư khi cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp.
- Quyết định số 4737/QĐ-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc Phê duyệt Phương án chuyển Viện Dệt May thành Công ty cổ phần.
- Quyết định số 4845/QĐ- BCT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc thành lập Tổ công tác thực hiện bán cổ phần lần đầu tại Viện Dệt May.

2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

Tên tiếng Việt: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Tên Tiếng Anh: Hanoi Stock Exchange
Trụ sở: Số 02 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 39412626
Fax: (84-24) 39360750
Website: www.hnx.vn

2.2. Tổ chức phát hành

Tên tiếng Việt: Viện Dệt May
Tên Tiếng Anh: Textile Research Institute
Tên viết tắt: TRI
Trụ sở: 478 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại: 84-24 38624025
Fax: 84-24 38622867
Website: www.viendetmay.org.vn

2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Trụ sở: Tầng 10, 11, Tháp BIDV, Số 35, Phố Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84.24) 39352722
Fax: (84.24) 22200669
Website: www.bsc.com.vn

3. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

3.1. Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần

Ông Cao Quốc Hưng Thứ trưởng Bộ Công thương – Trưởng ban

3.2. Đại diện Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Văn Thông Viện trưởng Viện Dệt May

Những người có tên được nêu trên đây đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Viện Dệt May trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3.3. Tổ chức tư vấn

Ông Đỗ Huy Hoài Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Công bố thông tin này đã được Tổ chức tư vấn thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Viện Dệt May cung cấp. Chúng tôi đã thực hiện các bước xây dựng nội dung Bản công bố thông tin tuân thủ đúng trình tự bắt buộc theo quy định của pháp luật nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

PHẦN III: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA VIỆN DỆT MAY TRƯỚC CHUYỂN ĐỔI

1. TỔNG QUAN VỀ VIỆN DỆT MAY

1.1. Giới thiệu về Viện Dệt May

Tên Tiếng Việt	Viện Dệt May
Tên Tiếng Anh	Textile Research Institute
Tên viết tắt	TRI
Đơn vị chủ quản	Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Loại hình doanh nghiệp	Tổ chức sự nghiệp khoa học công nghệ công lập
Trụ sở chính	478 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	84-24 38624025
Website	www.viendetmay.org.vn
Mã số đăng ký doanh nghiệp.....	0100100294

1.2. Hồ sơ pháp lý về thành lập Viện Dệt May

- Quyết định 24/CP của Chính phủ ngày 05/02/1969 về việc thành lập Viện Công nghiệp Dệt Sợi;
- Quyết định số 2216 QĐ/TCCB ngày 12/8/1996 về việc chuyển tổ chức và hoạt động của Viện Công nghiệp Dệt Sợi thành Viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt May là đơn vị sự nghiệp khoa học thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (nay là Tập Đoàn Dệt May Việt Nam).
- Quyết định số 746/QĐ-TĐDMVN của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập Đoàn Dệt May Việt Nam ngày 14/12/2006 về việc chuyển đổi Viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt May thành Viện Dệt May hoạt động theo tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí (quy định cơ chế tự chủ, tự quản đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập Nhà nước).
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100100294 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/04/2011 và các bản sửa đổi.

1.3. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Tổ chức Khoa học và Công nghệ số 0100100294, của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 5 năm 2017, ngành nghề kinh doanh của Viện Dệt May được quy định cụ thể như sau:

- Sản xuất sợi (1311).
- Sản xuất vải dệt thoi (1312).
- Hoàn thiện sản phẩm dệt (1313).
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan ngang và vải không dệt khác (1321).
- Sản xuất hàng may sẵn, trừ trang phục (1322).
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (1329).
 - + Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính,

- + Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua,
- + Sản xuất nỉ,
- + Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí,
- + Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa,
- + Sản xuất sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa,
- + Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng,...
- + Sản xuất vải quần áo dễ co giãn,
- + Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật,
- + Sản xuất dây giày,
- + Sản xuất bông đánh phấn và găng tay.
- May trang phục, trừ trang phục từ da lông thú (1410).
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (1430).
- Sản xuất sợi nhân tạo (2030).
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (2651).
- Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da (2826).
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (3900).
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép, ... (4641).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659).
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669).
 - + Bán buôn hóa chất công nghiệp
 - + Buôn bán sợi dệt
 - + Buôn bán phụ liệu may mặc, giày dép
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (4751).
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (4771).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221)
 - + Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.
- Hoạt động thông tấn (6321).
 - + Cung cấp tin tức, bài viết cho các tổ chức cung cấp bài báo.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810)
 - + Nhà không phải để ở gồm: Khu triển lãm, nhà kho, nơi dạy mát và trung tâm thương mại.
 - + Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm.
- Hoạt động tư vấn quản lý (7020)
 - + Tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội.
 - + Tư vấn quản lý nguồn nhân lực.
 - + Tư vấn quản lý sản xuất.
 - + Tư vấn về hệ thống quản lý chất lượng.

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120 chính)
 - + Dịch vụ Chứng nhận, giám định, thử nghiệm, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường.
 - + Dịch vụ hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (7210 chính).
 - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên
 - + Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên
 - + Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ
 - + Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (7320).
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (7410).
 - + Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (7490).
 - + Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ (trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng).
 - + Dịch vụ tư vấn, đào tạo áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, tư vấn về chất lượng hàng hóa;
 - + Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công nghệ;
 - + Dịch vụ tư vấn, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, giám sát lắp đặt thiết bị.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (8299).
 - + Xuất nhập khẩu các mặt hàng đơn vị sản xuất kinh doanh.
- Giáo dục nghề nghiệp (8532).
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (8560).
- Hoạt động của hội nghề nghiệp (9412).
 - + Hoạt động của các tổ chức mà lợi ích của các thành viên tập trung vào một lĩnh vực may mặc, tiêu dùng.
 - + Hoạt động của các hội chuyên gia tham gia vào khoa học, học thuyết hoặc văn hóa, như hội viết văn, họa sỹ, tạo hình, nhà báo...;

- + Phổ biến thông tin, thiết lập và giám sát chuẩn thực hành, đại diện trước cơ quan nhà nước.
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (9620).

1.4. Lịch sử hình thành và phát triển

Viện Dệt May, tiền thân là Viện Công nghiệp Dệt Sợi, được Chính phủ thành lập ngày 05/02/1969 theo quyết định 24/CP của Chính phủ, với vai trò là cơ quan nghiên cứu phát triển của ngành Dệt May Việt Nam.

Năm 1970 Viện chuyển về thành phố Nam Định.

Năm 1978 Xây dựng Phòng thí nghiệm hóa nhuộm ở Hà Nội do hãng Ciba-Geigy tài trợ.

Năm 1980 thành lập Phân Viện nghiên cứu dệt may tại thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1983 Viện Dệt May chuyển từ thành phố Nam Định về Hà Nội.

Năm 1996, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 2216/QĐ/TCCB ngày 12/8/1996 về việc chuyển tổ chức và hoạt động của Viện Công nghiệp Dệt Sợi thành Viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt May là đơn vị sự nghiệp khoa học thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (nay là Tập Đoàn Dệt May Việt Nam).

Tháng 12/2006, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập Đoàn Dệt May Việt Nam ra Quyết định số 746/QĐ-TĐDMVN ngày 14/12/2006 về việc chuyển đổi Viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt May thành Viện Dệt May hoạt động theo tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí (quy định cơ chế tự chủ, tự quản đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập Nhà nước).

Từ năm 2007, Viện là một tổ chức khoa học công nghệ công lập hoạt động tự chủ tài chính chi thường xuyên.

1.5. Các thành tích của Viện:

Bảng 1. Các thành tích của Viện

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2015	Cờ thi đua Đơn vị Xuất sắc	Bộ Công Thương: Có thành tích xuất sắc trong công tác hoạt động KHCN ngành công thương giai đoạn 2011-2015
2014	Huân chương Lao động hạng Nhất	Quyết định số 1270/QĐ-CTN ngày 12/6/2014 của Chủ tịch Nước: đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2013	Bằng khen	Quyết định số 1426/QĐ-TTg ngày 15/8/2013 của Thủ tướng chính phủ: đã có thành tích trong công tác từ năm 2010 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

	Huân chương Lao động hạng 3 (cho cá nhân Viện trưởng)	Quyết định số 1669/QĐ-CTN ngày 12/9/2013 của Chủ tịch nước
2012	Giấy khen	Quyết định số 28QĐ/ĐUTĐ ngày 22/01/2013 của Đảng Ủy Tập đoàn Dệt May VN
	Bằng khen	Quyết định số 1595QĐ/TLĐ ngày 11/12/2012 của Tổng liên đoàn lao động VN
	Giấy khen	Quyết định số 242/QĐ-LĐLĐ ngày 12/12/2012 của BCH Liên đoàn Lao động Quận HBT
2011	Giấy khen	Quyết định số 88QĐ/ĐUTĐ ngày 02/02/2012 của Đảng ủy Tập đoàn Dệt may VN
	Bằng khen	QĐ số 102QĐ/ TLĐ ngày 06/01/2012 của Tổng liên đoàn lao động VN
	Giấy khen	QĐ số 01QĐ/LĐLĐ ngày 11/01/2011 của Liên đoàn lao động Quận Hai Bà Trưng

1.6. Mô hình tổ chức và quản lý

Hiện nay, Viện Dệt May có trụ sở chính tại Hà Nội và Phân Viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó:

Viện Dệt May tại Hà Nội gồm các bộ phận: Phòng Điều hành; Phòng Tài chính kế toán; Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Chuyển giao công nghệ; Trung tâm Giám định, chứng nhận sản phẩm; Trung tâm Thí nghiệm dệt may; Trung tâm Thiết kế thời trang và Xưởng thực nghiệm.

Trong sơ đồ tổ chức của Viện Dệt may, Hội đồng khoa học gồm các thành viên là các chuyên gia của Viện thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Viện Trưởng trong xây dựng chiến lược, định hướng nghiên cứu khoa học, đánh giá lựa chọn các đề tài nghiên cứu ứng dụng các cấp do Viện Dệt may chủ trì.

Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ là đơn vị chính thực hiện các đề tài, dự án thực nghiệm của Viện, thực hiện các hợp đồng tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của các doanh nghiệp. Các Trung tâm thí nghiệm dệt may, Trung tâm giám định và chứng nhận sản phẩm dệt may là các đơn vị thực hiện các dịch vụ đánh giá sự phù hợp các sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng, phục vụ các doanh nghiệp Dệt may.

Trung tâm Thiết kế và thời trang thực hiện các nhiệm vụ thiết kế mẫu, sản xuất mẫu và thực hiện các hợp đồng may mẫu, may các sản phẩm thời trang theo yêu cầu của các doanh nghiệp.

Xưởng thực nghiệm của Viện là đơn vị tổ chức và hợp tác với các doanh nghiệp dệt may trong sản xuất thử nghiệm ứng dụng các công nghệ kéo sợi, dệt vải, nhuộm mẫu theo các chương trình, đề tài

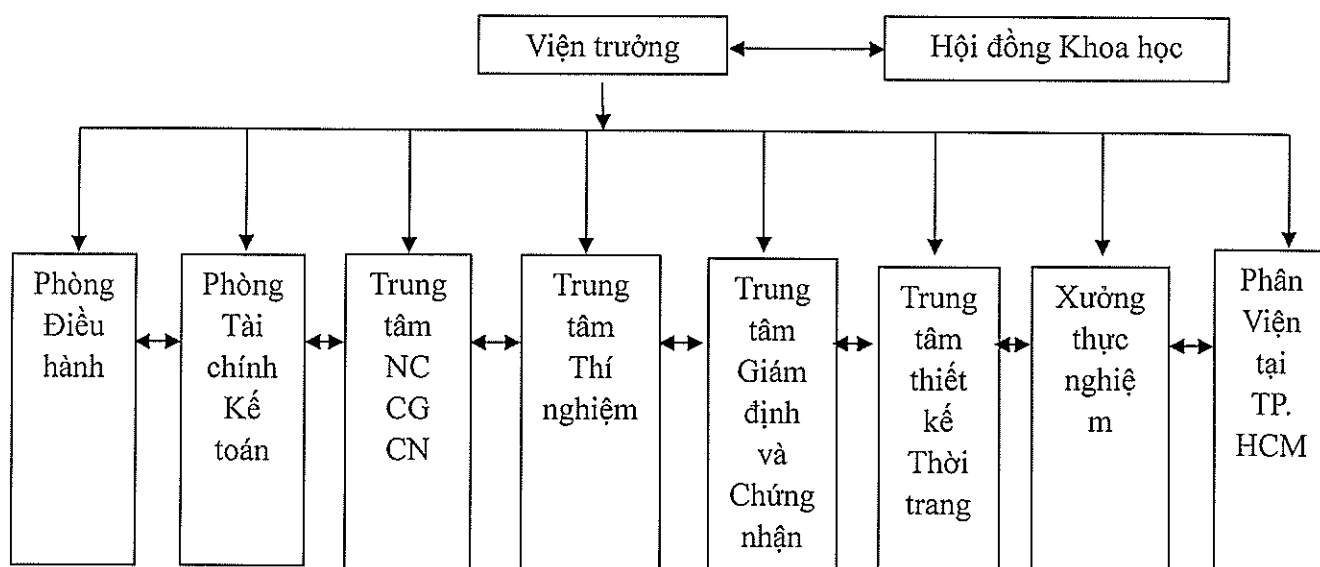
nghiên cứu, thực nghiệm của Viện.. Xưởng cũng thực hiện hợp tác với các doanh nghiệp dệt may trong nước tổ chức sản xuất các mặt hàng ứng dụng các kết quả nghiên cứu của viện với qui mô nhỏ.

Phòng điều hành: có chức năng lập kế hoạch, quản lý nghiên cứu khoa học và các dự án, hợp tác quốc tế, kinh doanh sản xuất, hành chính quản trị;

Phòng Tài chính kế toán: thực hiện và quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán.

Phân Viện Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm các bộ phận: Văn phòng; Phòng Tài chính Kế toán; Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Chuyển giao công nghệ; Trung tâm giám định dệt may; Trung tâm Thí nghiệm dệt may và Xưởng sản xuất thực nghiệm.

Phân Viện Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo mô hình tương tự với Viện tại Hà Nội, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Viện tại các tỉnh phía nam.



2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA VIỆN DỆT MAY 03 NĂM TRƯỚC KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP:

2.1. Tổng quan về tình hình hoạt động của Viện Dệt May trước khi chuyển đổi thành Công ty Cổ phần:

2.1.1. Hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN)

Các đề tài KHCN thực hiện trong giai đoạn trước chuyển đổi được đánh giá có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu thị trường, tạo nguồn thu cho đơn vị. Các hoạt động nghiên cứu KHCN của Viện chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Tham gia các chương trình cấp Nhà nước, giúp các cơ quan quản lý trong việc hoạch định quy hoạch, xây dựng chính sách, giải pháp phát triển ngành dệt may: Tiêu biểu là các công trình đề tài Quy hoạch phát triển ngành dệt may đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Rào cản kỹ thuật ngành dệt may; Đánh giá yêu cầu xuất xứ hàng dệt may khi Việt Nam tham

gia hiệp định TPP¹, dự án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa. Các báo cáo tiền khả thi đầu tư mới các nhà máy sợi, dệt, nhuộm,...

- Ứng dụng nguyên liệu, công nghệ và phát triển mặt hàng mới: Nổi bật là các công trình đề tài Công nghệ sản xuất các mặt hàng từ xơ sợi PTT; tre; gai, modal; viloft, sợi Pes biến tính; ứng dụng các công nghệ xử lý chống nhàu; kiểm soát ẩm, chống tia cực tím, kháng khuẩn, chế phẩm Chitosan chiếu xạ, ứng dụng các sản phẩm Nano,...
- Thiết kế và ứng dụng phần mềm trong công nghiệp dệt may: Nổi bật là các phần mềm thiết kế, tính toán vải dệt thoi, vải dệt kim, vải nổi vòng, ngân hàng màu, tính toán và xử lý số liệu nhân trác,... Đã chuyên giao cho 15 cơ sở dệt may: dệt lụa Nam Định, dệt Nam Định, Phong phú, Việt thắng, Thắng Lợi, Phước Long, Khatoco, Dệt kim Đông Xuân, Hanosimex, 19-5, Dệt len Mùa Đông,...
- Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Giai đoạn 2012-2016 đã xây dựng 54 tiêu chuẩn thử nghiệm vật liệu dệt may; phát triển, ứng dụng và được công nhận mới 32 chỉ tiêu an toàn, sinh thái dệt may theo ISO/EC 17025:2005; góp ý xây dựng 42 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dệt may;
- Thiết kế chế tạo máy móc thiết bị thí nghiệm: Đã thiết kế chế tạo các máy thí nghiệm: máy dệt sóng, máy nhuộm sợi, thử độ mảnh (micronaire) của xơ bông, tủ sấy có cân, máy đục bìa tự động, các thiết bị thí nghiệm,...
- Biên soạn tài liệu chuyên ngành: Đã xuất bản Từ điển điện tử chuyên ngành dệt may, các tài liệu kỹ thuật sợi, nhuộm và hoàn tất; Hướng dẫn tuân thủ luật CPSIA²; Chương trình đào tạo chuyên ngành dệt may; Cung cấp thông tin phục vụ website của Tập đoàn và Bộ Công thương; Đánh giá năng lực cạnh tranh ngành dệt may.

2.1.2. Hoạt động dịch vụ kỹ thuật

a. Dịch vụ Thử nghiệm – Giám định – Chứng nhận sản phẩm

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005; giám định theo ISO/IEC 17020: 2012; chứng nhận sản phẩm theo ISO/IEC 17065: 2012;

Xây dựng kế hoạch marketing cho lĩnh vực Chứng nhận, Giám định, Thử nghiệm, Kiểm định, Hiệu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước

Đối với dịch vụ thử nghiệm:

¹ Trans-Pacific Partnership: Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương

² The Consumer Product Safety Improvement Act: Luật Nâng cao An toàn Sản phẩm tiêu dùng được ban hành tại Mỹ, yêu cầu tất cả các sản phẩm quốc nội hoặc nhập khẩu phải trải qua một số bài kiểm tra và thỏa mãn các yêu cầu nhất định để có thể được tiêu thụ tại Mỹ.

- Có khả năng thử nghiệm hầu hết các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm dệt may cơ bản (114 chỉ tiêu), đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ISO, BS, ASTM, AATCC;
- Là đơn vị được ủy quyền thực hiện giám định an toàn sản phẩm dệt may theo Thông tư 32/2009/TT-BCT ngày 05/11/2009 và Thông tư 37/2015/TT-BCT ngày 30/10/2015 của Bộ Công thương;
- Cập nhật, ứng dụng mới các phương pháp thử nghiệm: 32 chỉ tiêu;
- Mở rộng phạm vi hoạt động sang các lĩnh vực: hiệu chuẩn, chế tạo thiết bị thí nghiệm; thử nghiệm an toàn và sinh thái dệt may;
- Bổ sung các thiết bị thử nghiệm: (2011 - 2015) 26 loại thiết bị; Cải tạo phòng thí nghiệm đáp ứng điều kiện thử tiêu chuẩn;
- Xây dựng kế hoạch marketing cho lĩnh vực thử nghiệm;
- Đào tạo các bộ quản lý và cán bộ thí nghiệm tại các phòng thử nghiệm trong nước và nước ngoài.

Đối với dịch vụ giám định, chứng nhận:

- Là đơn vị được chỉ định và ủy quyền thực hiện kiểm tra Nhà nước về an toàn sản phẩm dệt may theo Thông tư 32/2009/TT-BCT ngày 05/11/2009 và Thông tư 37/2015/TT-BCT ngày 30/10/2015 của Bộ Công thương;
- Cung cấp các dịch vụ giám định: giám định bông xơ, giám định phân nhóm, phân loại sản phẩm, phân tích lỗi và giám định hàng dệt may xuất, nhập khẩu,....;
- Cung cấp các dịch vụ chứng nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các sản phẩm dệt may, khăn giấy, giấy vệ sinh, băng vệ sinh, tã giấy cho trẻ em;
- Cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm dệt may, sản phẩm giấy.

b. Dịch vụ Tư vấn – Đào tạo – Chuyển giao công nghệ

Thực hiện các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ: Chuyển giao công nghệ sản xuất vải dệt kim (công ty Cổ phần X20), sản phẩm tơ tằm (CTCP Tập đoàn Thái Tuấn); Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật xơ PES (PVTEX Đình Vũ); Tư vấn đầu tư phòng thí nghiệm, dự án đầu tư nhà máy sợi (Sợi PVTEX Nam Định), sản xuất vải yarndyed (8/3), thẩm định đầu tư nhà máy dệt (Bộ Công an);

Tư vấn, khảo sát yêu cầu hỗ trợ KHCN cho các doanh nghiệp ngành dệt may, da giày (KITECH Hàn Quốc); Giám định chất lượng sản phẩm may (Viện FITI);

Hiệu chuẩn và cung cấp thiết bị thí nghiệm cho các doanh nghiệp: Trong giai đoạn 2011 – 2015, Viện đã thực hiện hiệu chuẩn cho hơn 100 doanh nghiệp, gia công và cung cấp thiết bị (*Công ty Cổ phần Scavi Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Dệt May 7, Công ty TNHH SX TM DV Đoàn Kết, Trường Cao đẳng Vinatex, Công ty 28,...*). Doanh thu của dịch vụ này tăng đều qua các năm (bình quân đạt 20%/năm);

Cung cấp thông tin cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Trung tâm thông tin của Bộ Công thương.

2.1.3. Sản xuất kinh doanh

Trong thời gian qua, Viện đã chỉ đạo nhóm phụ trách sản xuất và kinh doanh có giải pháp để duy trì sản xuất và khai thác hiệu quả thiết bị hiện có, duy trì việc làm cho lao động tại các xưởng thực nghiệm và đảm bảo hiệu quả sản xuất.

a. Tổng quan:

Mặt hàng chủ yếu được Viện sản xuất và cung cấp dịch vụ là các sản phẩm của các đề tài nghiên cứu ứng dụng của Viện như: sợi bông, sợi non - twist, sợi tre, các loại sản phẩm từ sợi tre, sợi tơ tằm: Khăn tre, tất tre, một số sản phẩm tơ tằm, dịch vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may, hoá chất thuốc nhuộm. Trung tâm thiết kế thời trang CENDI duy trì được việc làm cho cán bộ thông qua việc triển khai các hoạt động may đồng phục văn phòng, đồng phục học sinh và gia công các đơn hàng sản xuất cho các đơn vị. Ngoài ra, hoạt động sản xuất và thiết kế thời trang vẫn được thực hiện tốt, sản phẩm của Trung tâm đã được trưng bày và bán rộng rãi ở các siêu thị trong thành phố.

Nhìn chung, việc triển khai sản xuất kinh doanh của Viện chỉ tập trung vào sản xuất và kinh doanh một số mặt hàng là các sản phẩm của các đề tài nghiên cứu ứng dụng, có tính khác biệt, có qui mô nhỏ và chỉ mang tính chất thực nghiệm các lô sản phẩm qui mô nhỏ, phục vụ công tác nghiên cứu và thực nghiệm. Qui mô sản xuất trung bình hàng năm: Sợi bông, sợi non-twist, sợi tre: 180 tấn/ năm; Chỉ tơ tằm: 1 tấn/ năm; Vải dệt kim: 15 tấn/ năm.

b. Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Với quy mô sản xuất các lô sản phẩm nhỏ nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu gồm:

- Xơ bông: 200 tấn/ năm
- Sợi tơ tằm 1.050 kg/năm
- Sợi các loại: 15,5 tấn/ năm

Các nguyên liệu xơ bông, sợi nguyên liệu sử dụng là các nguyên liệu đều phải nhập khẩu, thay đổi nguồn cung cấp, giá nhập nguyên liệu phụ thuộc vào sự thay đổi của thị trường. Do hoạt động sản xuất chỉ mang tính thử nghiệm, các sản phẩm có tính chuyên biệt cao, khối lượng nguyên liệu đầu vào so với thị trường là không đáng kể. Rủi ro về tính ổn định của nguồn nguyên vật liệu không cao.

Các hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật và sản xuất kinh doanh của Viện Dệt may trong các năm gần đây, là các hoạt động của một tổ chức sự nghiệp khoa học công lập, hoạt động tự chủ chi thường xuyên theo Nghị định 115/2005 ngày 05 tháng 09 năm 2005 của Chính phủ, chưa phải là hoạt động của tổ chức sản xuất kinh doanh hạch toán đầy đủ.

2.1.4. Các hoạt động về đầu tư, hợp tác quốc tế

Viện Dệt May đã có những biện pháp tăng cường năng lực KHCN, khả năng cạnh tranh về thu hút đầu tư và các công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về cả quy mô, hình thức và nội dung. Viện đã tranh thủ sự hỗ trợ từ các dự án hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực cán bộ và đầu tư bổ sung một số thiết bị. Đồng thời từ nguồn vốn khấu hao để lại từ các dịch vụ bổ sung cho quỹ sự nghiệp, Viện đã đầu tư thêm được một số thiết bị thí nghiệm, giúp tăng năng lực cho Trung tâm thí nghiệm, mở rộng khả năng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Ngoài

ra, Viện luôn tăng cường trao đổi hợp tác với các đối tác nước ngoài (FITI, ICQ,...) trong lĩnh vực thử nghiệm, đào tạo và chuyển giao công nghệ,... để đào tạo cán bộ, mở rộng khách hàng và nâng dần vị thế của Viện Dệt May.

2.2. Trình độ công nghệ:

Viện Dệt may là địa chỉ tin cậy của các khách hàng trong nước và quốc tế. Các đơn vị hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật của Viện về giám định và thử nghiệm đáp ứng yêu cầu theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 1-7-2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Các kết quả thử nghiệm của các chỉ tiêu kỹ thuật mà Viện đã đăng ký, được sự thừa nhận Quốc tế.

2.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển

Viện Dệt may là tổ chức nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành Dệt may. Một trong những hoạt động chính của Viện là nghiên cứu ứng dụng các nguyên liệu mới, các công nghệ mới, phương pháp thử mới để ứng dụng phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới trong ngành dệt may. Các khách hàng của Viện Dệt may là: Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Công thương, các sở Khoa học, các doanh nghiệp trong ngành Dệt may.

2.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Viện Dệt may là đơn vị cung cấp các dịch vụ về kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt may: Viện có thể cung cấp 135 chỉ tiêu chất lượng và 32 chỉ tiêu an toàn, sinh thái Dệt may và sản phẩm hàng tiêu dùng. Trung tâm thí nghiệm dệt may hoạt động phù hợp tiêu chuẩn ISO 17025:2005 đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo mã Vilas 089³.

Trung tâm Thí nghiệm Dệt may của Viện là đơn vị có uy tín tại Việt Nam trong cung cấp các dịch vụ thí nghiệm, đào tạo cán bộ kiểm tra chất lượng cho các doanh nghiệp trong ngành Dệt may.

2.5. Hoạt động marketing:

Hoạt động marketing của Viện chủ yếu phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Viện có nhóm cán bộ marketing chuyên theo dõi, chăm sóc, phản hồi với các khách hàng hiện tại, mở rộng các khách hàng tiềm năng; đánh giá các nhà cung cấp dịch vụ tương tự tại Việt nam để có giải pháp nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ và đạt được được thỏa mãn của khách hàng.

2.6. Các hợp đồng lớn đang thực hiện/đã ký kết:

Do đặc thù là đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn và dịch vụ kỹ thuật, tập khách hàng của Viện tương đối phân tán. Số lượng khách hàng trung bình hàng năm khá nhiều (trên 800) nhưng giá trị của một hợp đồng không lớn (trong khoảng từ 200.000 đồng đến 30 triệu đồng).

³ VILAS là hệ thống công nhận phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn của Việt Nam, VILAS là một trong những chương trình công nhận của Văn phòng Công nhận Chất lượng Việt Nam (BoA - Bureau of Accreditation Vietnam, BoA là thành viên MRA của các tổ chức công nhận khu vực và Quốc tế APLAC, ILAC, tham gia các hoạt động trong các tổ chức ILAC, APLAC và PAC)

2.7. Thực trạng về tài chính của Viện Dệt may từ 2014 – 2017:
Bảng 2. Tình hình tài chính giai đoạn 2014 - 2017
Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017
I	Tổng giá trị Tài sản	52.003	57.539	54.907	41.011
1	Tài sản cố định	25.933	24.867	30.132	22.144
2	Tài sản lưu động	26.070	32.672	24.775	18.867
II	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	46.352	51.339	40.517	38.521
III	Nợ vay ngắn hạn	0	0	0	0
IV	Nợ vay dài hạn	0	0	0	0
V	Nợ phải thu khó đòi	0	0	0	0
VI	Tổng số lao động	131	135	123	121
VII	Tổng quỹ lương, Bảo hiểm	16.297	19.403	22.815	13.588
VIII	Thu nhập người lao động (tr. đồng/tháng)	8,0	8,66	9,65	8,0
IX	Nguồn thu của đơn vị tự chủ	69.188	78.724	80.863	56.987
1	Doanh thu từ hoạt động tự chủ	60.573	72.073	74.363	46.970
1.1	Dịch vụ kỹ thuật	29.717	38.451	45.285	15.838
	Dịch vụ theo Thông tư 37	24.177	30.559	35.594	
	Thí nghiệm truyền thống	5.540	7.892	9.691	15.838
1.2	Sản xuất, kinh doanh	30.856	33.622	29.078	31.132
2	Doanh thu từ đề tài, dự án thử nghiệm	8.615	6.651	6.500	10.017
X	Tổng chi phí	67.043	74.457	79.425	56.226

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017
1	Tổng chi phí hoạt động tự chủ	58.428	67.806	72.925	46.209
2	Tổng chi phí đề tài, dự án thử nghiệm	8.615	6.651	6.500	10.017
XI	Lợi nhuận thực hiện	2.145	4.267	1.438	761
XII	Lợi nhuận sau thuế	1.673	3.328	1.151	608
XIII	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (%)	3,6%	6,5%	2,8%	1,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 – 2016, BCTC 2017 tự lập của Viện Dệt May

Tổng doanh thu từ các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của Viện Dệt May giai đoạn 2014 – 2016 đạt trung bình 76,26 tỷ đồng/năm. Năm 2017, doanh thu của Viện đạt 56,987 tỷ đồng, giảm 25,27% so với doanh thu bình quân 3 năm liền trước đó. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do Bộ Công thương bãi bỏ Thông tư 37/2017/TT-BCT ngày 30/10/2015 quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng Formaldehyt và Amin thom chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo trong sản phẩm dệt may. Theo đó, doanh thu của Viện Dệt May từ các dịch vụ theo Thông tư 37 không còn, khiến tổng doanh thu 2017 giảm. Trong giai đoạn 2014-2016, doanh thu từ các dịch vụ theo Thông tư 37 chiếm tỷ trọng bình quân 40% tổng doanh thu của Viện.

2.8. Vị thế của Viện Dệt May trong ngành

Viện Dệt May có vai trò rất đặc thù đối với ngành Dệt May Việt Nam. Tuy hoạt động chính không phải là sản xuất trực tiếp nhưng các công trình nghiên cứu khoa học; dịch vụ giám định, kiểm nghiệm, chứng nhận và hoạt động tư vấn, đào tạo của Viện Dệt May đã gián tiếp thúc đẩy sự phát triển của ngành. Ngành Dệt may vốn có rào cản gia nhập ngành không cao, chính vì thế mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành rất lớn. Trong môi trường cạnh tranh đó, những doanh nghiệp sở hữu các công nghệ mới, đột phá; sản phẩm có tính khác biệt cao sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn.

Dệt may Việt Nam thuộc số các ngành sản xuất kinh doanh có sự xâm nhập sâu rộng với chuỗi cung ứng Dệt may thế giới, các sản phẩm Dệt may không chỉ đáp ứng các yêu cầu chất lượng ngày càng cao của người tiêu dùng mà còn phải đáp ứng các yêu cầu pháp lý của các nước về an toàn, không độc hại, thân thiện với môi trường và người sử dụng

Ngoài chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng các nguyên liệu, công nghệ mới trong phát triển các sản phẩm dệt may, Viện Dệt may là tổ chức đánh giá sự phù hợp (thí nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận sản phẩm dệt may) có uy tín ở Việt Nam, kết quả đánh giá được quốc tế công nhận.

Với lịch sử thành lập từ năm 1970, trải qua gần 50 năm tồn tại và phát triển, Viện Dệt May đã xác lập được vị thế vững chắc trong một lĩnh vực chuyên ngành tại thị trường Việt Nam.

2.8.1. Một số thành quả đạt được

Từ năm 2007, Viện đã chuyển sang hoạt động theo mô hình tổ chức KHCN tự trang trải kinh phí chi thường xuyên, các nguồn kinh phí sự nghiệp đều bị cắt giảm, Viện Dệt May đã tích cực đẩy mạnh

các hoạt động dịch vụ kỹ thuật, sản xuất kinh doanh một số sản phẩm đặc thù, triệt để tiết kiệm, tăng doanh thu để có nguồn thu cho chi thường xuyên, tăng thu nhập cho CBCNV. Viện luôn cố gắng tạo nhiều điều kiện để CBCNV của Viện có cơ hội tiếp cận nâng cao trình độ chuyên môn, thu hút các cán bộ kỹ thuật về làm việc tại Viện. Viện cũng đã tiến hành xây dựng và thực hiện các chương trình giới thiệu, quảng bá thương hiệu của Viện thông qua các hình thức: Giới thiệu các hoạt động của Viện, phổ biến thông tin KHCN trên trang web của Viện.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng Viện đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, ổn định về tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ KHKT, các dịch vụ khác, phục vụ các cơ sở sản xuất trong ngành. Hầu hết các đơn vị trong Viện đã hoạt động theo hướng tự chủ tài chính. Doanh thu và thu nhập bình quân cho người lao động đều có sự tăng trưởng (tăng trên 10%/năm).

Có thể điểm lại những thành tích chủ yếu mà Viện Dệt May đã đạt được trong giai đoạn 2012-2016 như sau:

- Tái cơ cấu tổ chức, tạo cơ chế hoạt động thu nhập theo hiệu quả công việc, phát triển ổn định và bền vững theo mô hình tự chủ chi thường xuyên; Hoàn thành tốt các hợp đồng nghiên cứu KHCN, hợp đồng tư vấn với các doanh nghiệp trong ngành;
- Là địa chỉ tin cậy phục vụ công tác thử nghiệm, chứng nhận và giám định các sản phẩm dệt may;
- Quan hệ với các đối tác nước ngoài và trong nước được mở rộng;
- Khai thác hiệu quả các hoạt động dịch vụ kỹ thuật, sản xuất thử nghiệm;
- Duy trì các hoạt động của Viện ổn định, theo hướng phát triển bền vững và từng bước tự chủ tài chính và cải thiện đời sống CBCNV.

2.8.2. Phân tích SWOT

a. Điểm mạnh:

- Cơ sở vật chất phục vụ thí nghiệm của Viện khá tốt: Viện hiện có 02 phòng thí nghiệm với khoảng 105 thiết bị để kiểm tra hầu hết các tính chất cơ bản của xơ, sợi, vải và sản phẩm dệt; 01 phòng thí nghiệm sinh thái có khả năng thử nghiệm 32 chỉ tiêu an toàn và sinh thái dệt may;
- Trung tâm Thí nghiệm, Trung tâm Giám định và Chứng nhận sản phẩm có hệ thống quản lý chuyên nghiệp, thiết bị máy móc đồng bộ, tương đối mới; Có thương hiệu về cung cấp dịch vụ thí nghiệm, giám định trong ngành dệt may;
- Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm;
- Có mối quan hệ tốt với các tổ chức KHCN trong và ngoài nước.

b. Điểm yếu

- Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu thực nghiệm còn thiếu, các thiết bị công nghệ kéo sợi, dệt vải, nhuộm sợi... đều là các thiết bị đơn lẻ, không đồng bộ và lạc hậu;
- Chưa có đội ngũ cán bộ đầu ngành đủ mạnh;
- Thiếu kiến thức kinh nghiệm về thị trường;

- Chưa tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, sâu sắc với các doanh nghiệp trong ngành.

c. Cơ hội:

- Trở thành tổ chức có tiềm năng cung cấp dịch vụ KHCN, dịch vụ kỹ thuật lĩnh vực dệt may ở trong nước và khu vực châu Á;
- Các yêu cầu về an toàn sản phẩm dệt may trong và ngoài nước ngày càng trở nên bắt buộc, phải tuân thủ, tạo điều kiện cho việc phát triển thị trường Thử nghiệm, Giám định và Chứng nhận;
- Nhu cầu về tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, nghiên cứu KHCN về dệt may ngày càng cao.

d. Thách thức:

- Cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật dệt may, đặc biệt là trong lĩnh vực thử nghiệm;
- Nguồn nhân lực có trình độ cho ngành dệt may ngày càng khan hiếm, khó cạnh tranh với các ngành nghề khác;
- Các hiệp định thương mại tự do với các nước và các khu vực không chỉ mở ra cơ hội mà còn mang đến cả các thách thức trong việc cạnh tranh với các đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dệt may quốc tế.

2.9. Tình hình lao động tại thời điểm lập phương án chuyển đổi thành Công ty Cổ phần

Bảng 3. Tình hình lao động tại thời điểm lập phương án chuyển đổi thành CTCP

Đơn vị: Người

Các chuyên ngành	Viện Hà Nội						Phân Viện Dệt May					
	Tổng số	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Khác	Tổng số	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Khác
Sợi Dệt	21	01	08	12	0	0	18	0	07	09	02	0
Hóa Nhuộm	12	02	05	05	0	0	08	0	01	05	02	0
May	03	0	0	02	01	0	0	0	0	0	0	0
Khác	40	0	02	11	03	24	13	0	02	05	06	0
TỔNG	76	03	15	30	04	24	39	0	10	19	10	0

Nguồn: Phương án chuyển Viện Dệt may thành CTCP đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 37/QĐ-BCT ngày 20/12/2017.

3. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

3.1. Tổng giá trị tài sản của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Bảng 4. Tổng giá trị tài sản của đơn vị theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị: đồng

12	TÊN TÀI SẢN	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	62.327.127.402	72.793.361.647	10.466.234.245
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	24.887.548.055	35.353.781.720	10.466.233.665
1	Tài sản cố định	24.706.638.964	35.172.872.629	10.466.233.665
2	Chi phí XDCB dở dang	180.909.091	180.909.091	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	37.439.579.347	37.439.579.927	580
1	Tiền	25.930.995.540	25.930.996.120	580
+	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>83.016.420</i>	<i>83.017.000</i>	<i>580</i>
+	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>25.847.979.120</i>	<i>25.847.979.120</i>	-
3	Các khoản phải thu	7.739.038.560	7.739.038.560	-
5	Vật tư, hàng hoá tồn kho	3.571.505.851	3.571.505.851	-
6	Tài sản lưu động khác	198.039.396	198.039.396	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẢN DÙNG	5.550.018.071	5.550.018.071	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	5.550.018.071	5.550.018.071	-
1	Tài sản cố định	5.550.018.071	5.550.018.071	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	25.303.858	25.303.858	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	25.303.858	25.303.858	-
1	Tài sản cố định	25.303.858	25.303.858	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QKTPL	-	-	-
	Tổng giá trị Tài sản của ĐV (A+B+C+D)	67.902.449.331	78.368.683.576	10.466.234.245

12	TÊN TÀI SẢN	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	Trong đó: Tổng giá trị thực tế ĐV (Mục A)	62.327.127.402	72.793.361.647	10.466.234.245
E1	Nợ thực tế phải trả	21.252.420.763	21.252.420.763	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	557.111.000	557.111.000	-
	TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ [A-<E1+E2>]	40.517.595.639	50.983.829.884	10.466.234.245

Nguồn: Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa tại thời điểm 30/09/2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội thực hiện (BB số 35/2016/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 31/3/2017)

3.2. Thực trạng tài sản cố định của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Bảng 5. Thực trạng tài sản cố định của Viện Dệt May

Đơn vị: đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách	Giá trị theo số liệu xác định giá trị doanh nghiệp	Chênh lệch
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	24.706.638.964	35.172.872.629	10.466.233.665
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.514.299.285	15.625.358.904	12.111.059.619
2	Máy móc thiết bị	20.704.349.480	18.302.399.474	(2.401.950.006)
3	Phương tiện vận tải	380.316.512	983.000.000	602.683.488
4	Thiết bị quản lý	107.673.687	262.114.250	154.440.563
5	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	5.550.018.071	5.550.018.071	-
1	Máy móc, thiết bị	5.550.018.071	5.550.018.071	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	25.303.858	25.303.858	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	12.835.755	12.835.755	-
2	Máy móc, thiết bị	12.468.103	12.468.103	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-

STT	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách	Giá trị theo số liệu xác định giá trị doanh nghiệp	Chênh lệch
	Tổng cộng	30.281.960.893	40.748.194.558	10.466.233.665

(Nguồn: Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa tại thời điểm 30/09/2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội thực hiện (BB số 35/2016/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 31/3/2017).

3.3. Thực trạng về tình hình công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

Bảng 6. Thực trạng về tài chính công nợ

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Số dư công nợ tại 30/9/2016	Số công nợ được đối chiếu tại 30/9/2016	Tỷ lệ đối chiếu công nợ/Tổng số nợ (%)
Phải thu khách hàng	5.335.714.113	5.305.689.158	99,44%
Trả trước cho người bán, phải thu khác	2.403.324.447	2.403.324.447	100,00%
Phải trả người bán	4.408.339.463	4.342.558.863	98,51%
Người mua trả trước	548.933.954	439.472.154	80,06%
Phải trả khác	9.130.110.545	7.565.675.051	82,87%

(Nguồn: Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội thực hiện (BB số 35/2016/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 31/3/2017).

3.4. Thực trạng về đất đai đang sử dụng

3.4.1. Tại Hà Nội

a. Khu đất số 478 Phố Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng: 2.850,83 m²
- Hiện trạng sử dụng nhà, đất: Đang sử dụng làm trụ sở văn phòng làm việc và trung tâm thí nghiệm.
- Phương án đề nghị sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần:
 - Phương án sử dụng: Tiếp tục quản lý, sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc, trung tâm thí nghiệm, chứng nhận, nghiên cứu đào tạo và giới thiệu sản phẩm như hiện trạng.
 - Hồ sơ pháp lý, mục đích sử dụng: Khu đất này được nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất với các diện tích phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, phòng thí nghiệm,

xưởng thực nghiệm, trung tâm đào tạo, 50 năm kể từ ngày 15/10/1993 (đến năm 2043) theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 và Hợp đồng cho thuê đất số 232/HĐTD-STNMT-PC ngày 11 tháng 4 năm 2016.

b. Khu đất số 454/24 Phố Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng: 5.311 m².
- Hiện trạng sử dụng nhà, đất: Đang sử dụng làm văn phòng, trung tâm nghiên cứu, đào tạo và xưởng thực nghiệm.
- Phương án đề nghị sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần:
 - Phương án sử dụng: Tiếp tục quản lý, sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm văn phòng, trung tâm nghiên cứu đào tạo và xưởng thực nghiệm như hiện trạng.
 - Hồ sơ pháp lý, mục đích sử dụng: Khu đất này được nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất với các diện tích phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trung tâm đào tạo 50 năm kể từ ngày 15/10/1993 (đến năm 2043) theo Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 và Hợp đồng cho thuê đất số 231/HĐTD-STNMT-PC ngày 11 tháng 4 năm 2016.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Sở Tài chính đã có công văn số 1404/STC-QLCS gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về phương án sử dụng đất của Viện Dệt May khi thực hiện cổ phần hóa, thống nhất cho Viện được giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng 02 cơ sở nhà, đất, ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã có công văn số 1662/UBND-KT gửi Viện Dệt May về phương án sử dụng đất của Viện trên địa bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa, thống nhất cho Viện được giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng 02 cơ sở nhà, đất, ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

3.4.2. Tại Thành phố Hồ Chí Minh

a. Khu đất số 354/128A Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Diện tích theo bản đồ hiện trạng sử dụng: 2.219,6 m²
- Hiện trạng sử dụng nhà, đất: Đang sử dụng làm cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, đào tạo, xưởng thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm.
- Phương án đề nghị sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần:
 - Phương án sử dụng: Tiếp tục quản lý cơ sở nhà, đất nói trên cho các mục đích nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, đào tạo, chứng nhận sản phẩm, sản xuất thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm như hiện trạng.
 - Hồ sơ pháp lý, mục đích sử dụng: Khu đất này đang tiếp tục hoàn tất các thủ tục xin thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp khoa học công lập.

Ngày 10 tháng 02 năm 2017, Viện Dệt May đã có công văn số 38/VDM-VP gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thống nhất phương án sử dụng đất của Phân Viện Dệt May tại TP.

Hồ Chí Minh, tiếp tục được quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất nói trên cho các mục đích nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, đào tạo, sản xuất thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm như hiện trạng.

Đến ngày 24 tháng 02 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi Ban Chỉ đạo 09 (Sở Tài chính) công văn số 2075/VP-KT về việc tiếp nhận văn bản trên và đề nghị có ý kiến về phương án sử dụng đất của Viện.

Trong Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa Phân Viện Dệt May, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổ kiểm tra liên ngành (gồm các Chuyên viên của Sở Tài chính và Sở xây dựng thành phố), Tổ kiểm tra đã ghi nhận hiện trạng sử dụng nhà đất tại thời điểm kiểm tra hiện trạng và Phân Viện đã kiến nghị vẫn tiếp tục được quản lý, sử dụng nhà đất cho các mục đích nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, đào tạo, sản xuất thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm,...

Ngày 19 tháng 10 năm 2017, Bộ Tài chính đã có văn bản số 14083/BTC-QLCS gửi UBND thành phố Hồ Chí Minh và Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc thống nhất phương án dụng đất của Viện Dệt may tại thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị UBND thành phố xem xét ra văn bản phương án sử dụng đất cho Viện Dệt may để thực hiện chuyển đổi thành CTCP.

Hiện nay, Viện Dệt May đang chờ văn bản trả lời thống nhất về phương án của UBND thành phố HCM cho khu đất của Phân Viện Dệt May.

3.5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý

3.5.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 11 năm 2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 4553/QĐ-BCT về việc chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2016.

3.5.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp

Theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp có thể áp dụng bao gồm phương pháp tài sản, phương pháp dòng tiền chiết khấu và các phương pháp khác. Theo đó, đơn vị tư vấn đã áp dụng phương pháp tài sản để thực hiện Xác định GTDN của Viện Dệt May.

3.5.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Ngày 22/05/2017, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1814/QĐ-BCT về việc xác định giá trị Viện Dệt May (do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý) để cổ phần hóa. Theo đó, giá trị doanh nghiệp Viện Dệt May để cổ phần hóa như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa là 72.793.361.647 đồng (bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi bảy đồng), tăng 10.466.234.245 đồng so với giá trị sổ sách.
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 50.983.829.884 đồng (bằng chữ: Năm mươi tỷ chín trăm tám mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín ngàn tám trăm tám mươi tư đồng), tăng 10.466.234.245 đồng so với giá trị sổ sách.

PHẦN IV: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP

1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản

Tên Tiếng Việt	Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần
Loại hình công ty	Công ty Cổ phần
Tên Tiếng Anh	Vietnam Textile Research Institute - Joint Stock Company
Tên viết tắt	VTRI
Trụ sở chính	478 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại	(84-24) 38624025
Website	www.viendetmay.org.vn

Vốn điều lệ	50 tỷ đồng
Mã chứng khoán	VDM

Biểu trưng (logo) (chưa đăng ký tại Cục đăng ký sở hữu trí tuệ) .



Phân viện tại TP.Hồ Chí Minh:

Tên Tiếng Việt	Phân Viện Nghiên cứu Dệt May tại TP. Hồ Chí Minh
Tên Tiếng Anh	Vietnam Textile Research Sub-Institute
Tên viết tắt	VTRSI
Trụ sở chính	345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84-28) 39201396
Website	www.phanviendetmay.org.vn

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, VTRI sẽ hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau:

1.2.1. Các ngành nghề kinh doanh chính

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120- lĩnh vực chính)
 - + Dịch vụ Chứng nhận, giám định, thử nghiệm, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường
 - + Dịch vụ hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (7210- lĩnh vực chính)
 - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên
 - + Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên
 - + Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ.
 - + Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.
- Sản xuất sợi (1311)
- Sản xuất vải dệt thoi (1312)

- Hoàn thiện sản phẩm dệt (1313)
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan ngang và vải không dệt khác (1321)
- Sản xuất hàng may sẵn, trừ trang phục (1322)
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (1329)
- May trang phục, trừ trang phục từ da lông thú (1410)
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (1430)
- Sản xuất sợi nhân tạo (2030)
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (2651)
- Sản xuất may cho ngành dệt, may và da (2826)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (33120)
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (3320)
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (3900)
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép,...(4641)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659)
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669)
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (4751)
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (4771)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (52219)
- Hoạt động thông tấn (6321)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810)
- Hoạt động tư vấn quản lý (7020)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (7110)
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (7320)
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (7410)
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (7490)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (8299)
- Giáo dục nghề nghiệp (8532)
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (8559)
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (8560)
- Hoạt động của hội nghề nghiệp (9412)
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (9620)

1.2.2. Các ngành nghề khác:

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

1.3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

1.3.1. Vốn điều lệ

Căn cứ vào quyết định công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (Theo Quyết định số 1814/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa) giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa như sau:

- Giá trị thực tế tại doanh nghiệp: 72.793.361.647 đồng (Bảy mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm bốn mươi bảy đồng)

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 50.983.829.884 đồng (Năm mươi tỷ, chín trăm tám ba triệu, tám trăm hai chín ngàn, tám trăm tám tư đồng)

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Viện;
- Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của bộ máy quản lý Viện;
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác;

Vốn điều lệ của công ty cổ phần được xác định là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn) được chia thành: 5.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Phân chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp với mức vốn điều lệ xác định là 983.829.884 đồng (Chín trăm tám ba triệu, tám trăm hai chín ngàn, tám trăm tám tư đồng) sẽ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp – Bộ Tài chính.

1.3.2. Cơ cấu vốn điều lệ giai đoạn sau chuyển đổi thành công ty cổ phần

Căn cứ Quyết định số 4737/QĐ-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt phương án chuyển Viện Dệt May thành công ty cổ phần, cơ cấu vốn điều lệ của Viện sau khi chuyển đổi thành CTCP như sau:

Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá		Tỷ lệ
			(đồng)	
Nhà nước	0	0	0,00%	
Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho người lao động tại đơn vị.....	474.000	4.740.000.000	9,48%	
Ưu đãi theo năm làm việc	169.200	1.692.000.000	3,38%	
Mua thêm	304.800	3.048.000.000	6,1%	
Cổ phần chào bán công khai trong đợt IPO....	2.263.000	22.630.000.000	45,26%	
Cổ phần chào bán cho NĐTCL.....	2.263.000	22.630.000.000	45,26%	
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100,00%	

Nguồn: Quyết định số 4737/QĐ-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2017 Về việc phê duyệt phương án chuyển Viện Dệt May thành công ty cổ phần

1.4. Hình thức pháp nhân

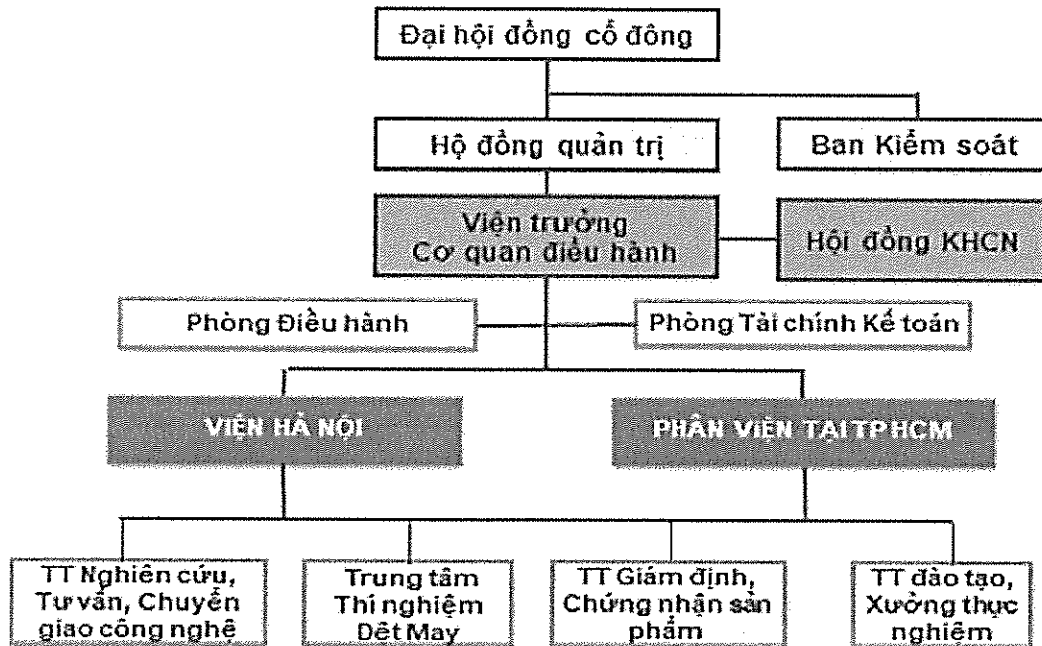
Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Viện Dệt May thành công ty cổ phần hiện là đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, 100% vốn nhà nước. Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần có vốn điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hoạt động Viện có thể thay đổi vốn điều lệ theo qui định của pháp luật;

Viện nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại

các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; Hoạt động theo Điều lệ Viện, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

1.5. Mô hình tổ chức

Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển sang công ty cổ phần



Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1.5.1. Chức năng nhiệm vụ Hội đồng quản trị

- Giám sát, chỉ đạo Viện trưởng và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Viện;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Viện, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

1.5.2. Chức năng của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Viện trưởng trong việc quản lý và điều hành Viện;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Viện, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Viện, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Viện khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Viện.

1.5.3. Chức năng của Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Viện, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

1.5.4. Chức năng của Cơ quan điều hành

Ngoài Viện trưởng, Cơ quan điều hành bao gồm Phó Viện trưởng và Trưởng các Phòng Ban liên quan, có nhiệm vụ hỗ trợ cho Viện trưởng trong các lĩnh vực hoạt động và sản xuất kinh doanh.

Sau khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, Viện Dệt May vẫn bao gồm 01 Viện ở Hà Nội và 01 Phân viện tại Tp.Hồ Chí Minh.

2. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

2.1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động sau chuyển đổi thành công ty cổ phần và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Viện, phát huy năng lực của người lao động, Viện dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 117 người, trong đó:
 - Số lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn: 108 lao động
 - Số lao động ký hợp đồng khoán dài hạn: 0 lao động
 - Số lao động ký hợp đồng làm việc: 09 lao động
- Số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là: 79 người là lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn.
- Số lao động nghỉ hưu theo chế độ, chuyển công tác trước thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập (22/5/2017): 02 lao động.
- Số lao động thôi việc khi chuyển sang công ty cổ phần là 36 lao động trong đó:
 - Số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng: 01 lao động.
 - Số lao động dôi dư nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 63: 08 lao động.
 - Số lao động dôi dư phải chấm dứt hợp đồng lao động trả trợ cấp mất việc làm: 27 lao động

Tổng số kinh phí để thực hiện chính sách với lao động nghỉ hưu, dôi dư là: 1.533.119.437 đồng sẽ lấy từ tiền bán cổ phần của doanh nghiệp.

2.2. Kế hoạch tuyển dụng

Dựa trên nhu cầu về nguồn nhân lực để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh sau khi chuyển đổi thành CTCP, Viện sẽ bố trí sắp xếp vị trí nhiệm vụ mới cho phù hợp với những lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần.

3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Viện đã lập phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định để tiếp tục được sử dụng làm văn phòng làm việc cho các bộ phận, phòng ban chức năng của Viện tại Hà Nội và Chi nhánh tại TP HCM, các phòng thí nghiệm, Trung tâm đào tạo với toàn bộ diện tích đất đai, nhà cửa vật kiến trúc, công trình kết cấu hạ tầng,...

- Trụ sở chính: 478 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội: 2.850,83 m². Đã có quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 02/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội cho Viện Dệt May thuê 50 năm theo hình thức cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất số 232/HĐTD-STNMT-PC ngày 11 tháng 04 năm 2016, hiện nay đang được miễn tiền thuê đất hàng năm. Sau khi chuyển đổi thành CTCP, Viện tiếp tục được sử dụng làm văn phòng làm việc, trung tâm thí nghiệm, chứng nhận, nghiên cứu đào tạo và giới thiệu sản phẩm như hiện tại.
- Xưởng thực nghiệm: 454 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội: 5.311,0 m². Đã có quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 02/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội cho Viện Dệt May thuê 50 năm theo hình thức cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất số 231/HĐTD-STNMT-PC ngày 11 tháng 04 năm 2016, hiện nay đang được miễn tiền thuê đất hàng năm. Sau khi chuyển đổi, Viện tiếp tục được sử dụng như hiện tại, làm xưởng thực nghiệm sản xuất sợi, chỉ may, vải, sản phẩm dệt may và trung tâm đào tạo cán bộ kỹ thuật dệt may.
- Phân Viện tại thành phố Hồ Chí Minh: 2.219,6 m², đã có Quyết định thuê đất số 5596/QĐ-UBND thành phố HCM ngày 02 tháng 11 năm 2015, hiện nay đang làm các thủ tục thuê đất và miễn tiền thuê đất, tiếp tục được sử dụng làm văn phòng làm việc, trung tâm thí nghiệm, chứng nhận, nghiên cứu đào tạo và giới thiệu sản phẩm như hiện tại.

4. KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

4.1. Chiến lược và mục tiêu

a. Tầm nhìn

Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần trở thành tổ chức hàng đầu trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, các sản phẩm công nghệ mới có khả năng cạnh tranh vào sản xuất công nghiệp; tư vấn và cung cấp dịch vụ kỹ thuật; là trung tâm thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng được quốc tế thừa nhận.

b. Sứ mệnh

Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là nhân tố quan trọng của ngành Dệt May Việt Nam trong định hướng công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, thẩm định, quản lý công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý chất lượng sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng.

c. Mục tiêu

- Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần củng cố vị trí của mình là trung tâm thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng được quốc tế thừa nhận;
- Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là trung tâm về nghiên cứu phát triển, chuyển giao ứng dụng công nghệ và bảo vệ môi trường ngành dệt may;
- Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần là trung tâm tư vấn, thẩm định, tổ chức đào tạo, cung cấp thông tin cho ngành dệt may.

4.2. Các hoạt động chính

Sau khi chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, các hoạt động chính của Viện Nghiên cứu Dệt May tập trung chính vào các hoạt động nghiên cứu phát triển theo hướng ứng dụng nguyên liệu, công nghệ và phát triển các mặt hàng dệt may; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật đánh giá sự phù hợp (Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định) trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng; Tư vấn, đào tạo kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và kinh doanh các sản phẩm dệt may. Các hoạt động chính của Viện sau khi chuyển đổi thành CTCP sẽ tập trung vào các nội dung sau:

4.2.1. Cung cấp dịch vụ kỹ thuật: Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định

Hoạt động đánh giá sự phù hợp (Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định) trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng là một trong những thế mạnh của Viện và có tiềm năng phát triển, mở rộng trong tương lai. Xuất phát từ các kết quả nghiên cứu thị trường và các quy định pháp lý của các cơ quan chức năng trong và ngoài nước, các hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực dịch vụ có điều kiện: phải đáp ứng các điều kiện về năng lực hoạt động: có hệ thống quản lý, nhân sự, thiết bị đáp ứng các chuẩn mực quy định. Với định hướng xây dựng Viện trở thành thành trung tâm hàng đầu tại Việt Nam trong việc cung cấp các dịch vụ đánh giá sự phù hợp (Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận, Hiệu chuẩn, Kiểm định) trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng, đạt các chuẩn mực

được sự thừa nhận quốc tế; các hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật của Viện trong thời gian tới tập trung vào các hoạt động chính sau:

a. Dịch vụ thử nghiệm, kiểm định và hiệu chuẩn

Là một trong những hoạt động có thể mạnh và hiệu quả của Viện trong thời gian vừa qua. Ngoài việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005, duy trì năng lực thử nghiệm, kiểm định và hiệu chuẩn hiện có, các Trung tâm thí nghiệm của Viện sẽ mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Cụ thể:

- Đăng ký hoạt động thử nghiệm với các cơ quan chức năng, đáp ứng các điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ thử nghiệm;
- Mở rộng lĩnh vực thí nghiệm chất lượng các sản phẩm tiêu dùng: dệt may, giấy, da giày, đồ chơi trẻ em, môi trường,...
- Cập nhật, ứng dụng, phát triển các phương pháp thử nghiệm mới, xây dựng, phát triển các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành dệt may, hàng tiêu dùng;
- Đào tạo cán bộ quản lý chất lượng, nhân viên kỹ thuật, cán bộ thí nghiệm cho các doanh nghiệp và các phòng thử nghiệm.

b. Dịch vụ chứng nhận, giám định

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng chứng nhận sản phẩm theo ISO/IEC 17065: 2012; hệ thống quản lý chất lượng giám định theo ISO/IEC 17020: 2012 cho các sản phẩm dệt may và hàng tiêu dùng;
- Đăng ký hoạt động chứng nhận, giám định với các cơ quan quản lý Nhà nước, đáp ứng các điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận, giám định sản phẩm dệt may và sản phẩm tiêu dùng;
- Tư vấn, đánh giá, chứng nhận sản phẩm dệt may và sản phẩm tiêu dùng theo các quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia và các tiêu chuẩn khác.

4.2.2. Nghiên cứu KHCN, tư vấn, chuyển giao KHCN

- Tham gia các chương trình cấp Nhà nước, nghiên cứu hoạch định quy hoạch, xây dựng chính sách, giải pháp phát triển, điều tra khảo sát ngành dệt may;
- Nghiên cứu ứng dụng các nguyên liệu mới, công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường để tạo ra các sản phẩm dệt có tính năng khác biệt, các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt y sinh; nghiên cứu thiết kế chế tạo các thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ dệt may;

- Nghiên cứu các giải pháp trong quản lý sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm, các chương trình sản xuất sạch hơn, sản xuất dệt may bền vững; Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống dữ liệu, tài liệu công nghệ, quản lý và kỹ thuật ngành dệt may.
- Cung cấp dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ, thiết kế, thẩm định các dự án nhà máy sợi dệt nhuộm, may;
- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường ngành dệt may, lập báo cáo tác động môi trường, thẩm định đánh giá các dự án;
- Cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn về sợi, dệt, nhuộm, may.

4.2.3. Dịch vụ tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin

- Thực hiện các hợp đồng tư vấn, thẩm định, chuyển giao công nghệ cho khách hàng từ các kết quả NCKH, SXTN;
- Cung cấp dịch vụ tư vấn, cập nhật thông tin, điều tra khảo sát trong ngành dệt may; cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên ngành, đào tạo cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật ngành dệt may;
- Mở rộng, kết nối, hợp tác phát triển với các đơn vị ngành dệt may nước ngoài và trong nước.

4.2.4. Sản xuất kinh doanh

- Sản xuất sợi: sợi bông, sợi không xoắn (non-twist), sợi tre, chỉ may, chỉ bông và tơ tằm các loại,...;
- Sản xuất vải, sản phẩm dệt may: vải dệt kim/dệt thoi, các loại khăn tắm, khăn mặt, vải không dệt, sản phẩm may mặc,...
- Kinh doanh các mặt hàng, lĩnh vực không bị cấm.
- Phương án sản xuất kinh doanh

4.3. Một số chỉ tiêu kinh tế trong 05 năm liền kể sau chuyển đổi thành CTCP

Bảng 7. Kế hoạch kinh doanh sau chuyển đổi

Đơn vị: triệu đồng

<i>TT</i>	<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>2018</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>	<i>2021</i>	<i>2022</i>
I	Vốn điều lệ	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
II	Doanh thu hoạt động	49.220	55.320	60.995	65.970	71.820
1	Dịch vụ kỹ thuật	15.600	19.500	24.375	29.250	35.100
2	Kinh doanh sợi chỉ	20.900	21.000	21.200	21.300	21.300
3	Các dịch vụ khác	7.720	9.820	10.920	10.920	10.920

<i>TT</i>	<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>2018</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>	<i>2021</i>	<i>2022</i>
4	Doanh thu đề tài, dự án	5.000	5.000	4.500	4.500	4.500
III	Chi phí sản xuất trực tiếp	45.399	50.581	55.849	58.823	63.128
1	Nguyên vật liệu	33.102	36.685	38.849	40.605	42.302
2	Lương CBCNV	7.945	9.340	11.703	12.503	14.642
3	BHXB, BHYT, BHTN	889	914	1.143	1.318	1.523
4	Điện, nước	1.193	1.272	1.372	1.469	1.581
5	Chi khác	2.270	2.370	2.783	2.928	3.080
IV	Lợi nhuận trước khấu hao TSCĐ và tiền thuế thuê đất	3.821	4.738	5.146	7.147	8.692
1	Khấu hao tài sản cố định	3.544	3.747	3.948	4.088	4.193
2	Tiền thuế thuê đất	44	44	44	44	44
V	Lợi nhuận trước thuế	233	947	1.154	3.014	4.455
VI	Thuế thu nhập doanh nghiệp	47	189	231	603	891
VII	Lợi nhuận sau thuế	186	758	923	2.411	3.564
VIII	Đầu tư thiết bị mới	2.110	2.900	2.875	2.000	1.495
IX	Tỷ lệ cổ tức (%)	0	0	0	5	5

Nguồn: Viện Dệt May

4.4. Các giải pháp thực hiện

a. Giải pháp về thị trường

- Duy trì và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật về thử nghiệm, giám định, chứng nhận, hiệu chuẩn, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy và các sản phẩm tiêu dùng khác;
- Duy trì và mở rộng thị trường khách hàng lĩnh vực tư vấn, thẩm định, thiết kế công nghệ, dây chuyền thiết bị sản xuất ngành dệt may;
- Mở rộng thị trường, khách hàng tiêu thụ các sản phẩm là kết quả NCKH về sản phẩm mới, sản phẩm có chức năng đặc biệt trong ngành dệt may;
- Hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ xơ, sợi, vải, hóa chất thuốc nhuộm và phụ liệu ngành dệt may;

- Phát triển dịch vụ tư vấn về công tác bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường trong ngành dệt may;
- Tiếp tục khẳng định và phát triển thương hiệu Công ty trên thị trường trong và ngoài nước.

b. Giải pháp về tổ chức, quản lý

- Ban hành các qui chế, qui định về quản lý mang tính tập trung, buộc các bộ phận phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phải tuyệt đối tuân thủ;
- Giám sát hoạt động của các đơn vị, kịp thời phát hiện rủi ro để có các biện pháp ngăn chặn;
- Rà soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí kinh doanh, các định mức kinh tế kỹ thuật; yêu cầu các bộ phận xây dựng kế hoạch chi tiết về từng khoản mục với mức tiết giảm cụ thể và phổ biến đến từng CBCNV để phân đấu thực hiện;
- Bố trí sắp xếp nguồn nhân lực hợp lý, hiệu quả theo hướng khuyến khích để CBCNV phát huy tốt khả năng, năng lực của từng cá nhân và đơn vị bộ phận;
- Tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất, thiết bị máy móc, nguồn lực cán bộ KHCN.

c. Giải pháp KHCN

- Nghiên cứu phát triển, ứng dụng các nguyên liệu mới để tạo ra các sản phẩm chức năng có giá trị cao;
- Nghiên cứu phát triển các phương pháp thử nghiệm, xây dựng các tiêu chuẩn/qui chuẩn quốc gia về sản phẩm dệt may để bảo vệ người tiêu dùng trong nước;
- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ, phương pháp thử nghiệm đánh giá tác động, bảo vệ môi trường trong ngành dệt may.

d. Giải pháp đầu tư

- Đầu tư các thiết bị thử nghiệm, mở rộng lĩnh vực thử nghiệm cho ngành dệt may, da giày, giấy, các loại phao cứu sinh, lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành dệt may;
- Đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất, các mô hình để phục vụ đào tạo cán bộ kỹ thuật ngành dệt may.

e. Giải pháp lao động

Để có nguồn nhân lực đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cần phải có chiến lược phát triển con người một cách toàn diện, điều này đồng nghĩa với việc thực hiện tốt công tác cán bộ, công tác tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng cũng như quy hoạch nhân sự.

- Có chính sách hấp dẫn, thu hút người có tài đức làm việc, gắn bó lâu dài với Viện;
- Nâng cao trách nhiệm, phân quyền cho trưởng các đơn vị;
- Rà soát, xây dựng bản mô tả công việc đối với từng vị trí, có yêu cầu cụ thể về năng lực, trình độ cũng như hiệu quả cần đạt được;

- Phân phối tiền công theo mức đóng góp của từng đơn vị, cá nhân; Xây dựng chính sách tiền lương, thu nhập thực sự trở thành đòn bẩy cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng;
- Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực: bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ một cách minh bạch với những tiêu chí cụ thể (ưu tiên đề bạt cán bộ trẻ, kế cận);
- Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện thường xuyên liên tục việc đào tạo lại cán bộ, công nhân viên để đáp ứng yêu cầu công việc từng thời kỳ;
- Kịp thời động viên, khuyến khích khen thưởng, xử phạt đúng đối tượng tạo niềm tin, khích lệ người lao động phát huy hết năng lực phục vụ cho lợi ích của Viện.

f. Giải pháp hợp tác quốc tế và trong nước

Tiếp tục duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để khai thác có hiệu quả hơn các cơ sở vật chất và nguồn nhân lực hiện có, đặc biệt là mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thử nghiệm cho khối doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam.

5. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Sau khi thực hiện chào bán ra công chúng trong nước và hoàn tất chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Viện Dệt May sẽ thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu theo đúng quy định của Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC và quy định của pháp luật hiện hành.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

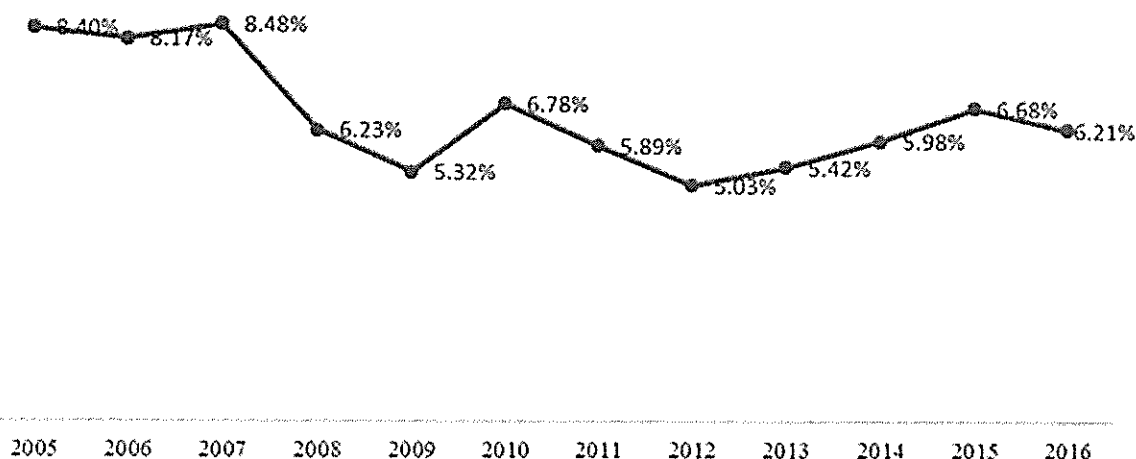
1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

TRI khuyến nghị các nhà đầu tư nên xem xét cẩn thận những yếu tố rủi ro được trình bày bên dưới cũng như các thông tin khác được trình bày trong bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào công ty. Những rủi ro dưới đây liên quan mật thiết đến TRI, hoạt động kinh doanh của TRI và của toàn ngành Dệt May tại Việt Nam, cũng như việc giao dịch cổ phiếu của Công ty trong tương lai. Các nhân tố rủi ro này có thể ảnh hưởng trọng yếu và tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của TRI và khả năng chi trả cổ tức của công ty trong tương lai.

1.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế luôn có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đối với các thành phần của nền kinh tế. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực thúc đẩy cho sự phát triển của các doanh nghiệp, ngược lại khi nền kinh tế suy thoái lại là lực cản không nhỏ tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những rủi ro của nền kinh tế được hình thành từ sự biến động của các nhân tố cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... Hoạt động sản xuất kinh doanh của Viện Dệt May cũng như các doanh nghiệp khác cũng sẽ chịu những tác động của những nhân tố nêu trên.

Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có ảnh hưởng mạnh mẽ nhu cầu tiêu dùng và đến tốc độ tăng trưởng của ngành may mặc.

Năm 2016, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 6,21% so với năm 2015, thấp hơn mức 6,68% của năm 2015 nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công.

Dự báo nền kinh tế Việt Nam năm 2017 sẽ tiếp tục xu hướng tăng trưởng nhờ sức tăng của tổng cầu, tiêu dùng cải thiện, đầu tư tư nhân tiếp tục phát triển do môi trường kinh tế vĩ mô cùng với cải cách

trong thể chế sẽ tạo dựng niềm tin của doanh nghiệp và hộ gia đình. Đặc biệt triển vọng từ các hiệp định thương mại tự do đã và đang được xúc tiến ký kết sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho Việt Nam. Theo Bloomberg, nhiều khả năng tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2017 sẽ đạt hơn 7%, vượt xa mục tiêu tăng trưởng mà Quốc hội đặt ra cho năm này là 6,7%. Đây là hệ quả của chính sách tiền tệ nới lỏng mà Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng trong thời gian vừa qua.

1.2. Rủi ro kinh doanh

1.2.1. Rủi ro về thị trường:

Thị hiếu của người tiêu dùng luôn luôn thay đổi, điều này buộc Viện Dệt May phải luôn nghiên cứu kịp thời để có thể đưa ra các sản phẩm phù hợp với xu hướng thị trường, đồng thời đổi mới với những khó khăn khi thâm nhập thị trường mới.

1.2.2. Lạm phát

Tỉ lệ lạm phát Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bên cạnh thị trường trong nước, sự phát triển của ngành Dệt May Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào các đơn đặt hàng đến từ nước ngoài. Do đó, khi tỉ lệ lạm phát có những diễn biến bất thường và không ổn định, các khách hàng nước ngoài sẽ gặp khó khăn trong việc dự trù chi phí và kiểm soát hoạt động kinh doanh. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 11 tháng đầu năm 2017 tăng 2,38% so với cuối tháng 12 năm 2016.

Năm 2016, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,74% so với năm 2015. Nguyên nhân chính khiến CPI năm 2016 tăng mạnh là do sự điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục của Chính phủ trong năm. Tác động của việc điều chỉnh giá đối với 2 nhóm dịch vụ này làm chỉ số giá tiêu dùng chung (CPI) tăng lần lượt là 2,7% và 0,58%. Bên cạnh đó, diễn biến bất lợi của thời tiết tại miền Trung, Tây Nguyên và Đồng bằng Sông Cửu Long cũng góp phần làm CPI của nhóm ngành Lương thực tăng 2,57%.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 11 tháng đầu năm 2017 tăng 2,38% so với cuối tháng 12 năm 2016. Như vậy, tỉ lệ lạm phát của Việt Nam trong 03 năm gần đây có xu hướng ổn định dần qua từng năm.

1.3. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết. Trong trường hợp này, kết quả sẽ được báo cáo Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần để Ban chỉ đạo có hướng xử lý phù hợp.

2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

2.1. Chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư đại chúng (IPO)

2.1.1. Đối tượng chào bán

Đối tượng IPO trong nước sẽ là các nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, những đối tượng sau không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Thành viên Ban chỉ đạo Cổ phần hóa doanh nghiệp, trừ các thành viên là đại diện của doanh nghiệp cổ phần hóa;
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh;
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;
- Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Công ty và Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2.1.2. Phương thức chào bán

Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng thông qua phương thức bán đấu giá công khai, dự kiến được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với các nội dung:

Cổ phần phát hành:	Cổ phần của Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần.
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	12.583 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần chào bán:	2.263.000 cổ phần (45,26% vốn điều lệ)
Đối tượng chào bán:	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần được tham gia

đăng ký và đấu giá cổ phần của Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần.

Phương thức đấu giá: Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán

Thời gian và địa điểm đăng ký: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Viện Dệt May do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành

Tổ chức đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Phương thức và thời hạn thanh toán: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần.

Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thể hiện tại “Quy chế đấu giá Cổ phần Viện Nghiên cứu Dệt May - Công ty cổ phần” do Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) ban hành và công bố.

2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Viện Dệt May tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được quyền mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước và được ưu đãi mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần.

2.2.1. Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (Khoản 2, Điều 20, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg)

CBCNV có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá là 117 người (trong đó có 01 người mới làm tại Viện từ tháng 12 năm 2016, không được mua cổ phần ưu đãi) tương đương 1.692 năm công tác được mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế tại khu vực nhà nước. Số lao động có sự chênh lệch 06 người (từ 123 người ở thời điểm 30/9/2016 giảm xuống 117 người ở thời điểm 22/5/2017) là do có lao động nghỉ hưu, chuyển công tác và tuyển dụng mới trong khoảng thời gian này.

Viện Dệt May đã lập danh sách lao động mua ưu đãi theo năm làm việc, Danh sách này được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua Hội nghị cán bộ viên chức như sau:

Tổng số lao động (người)	117
Số lao động được mua cổ phần ưu đãi	116
Tổng số năm công tác (năm)	1.692

Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	169.200 cổ phần tương đương với 3,38% vốn điều lệ
Giá bán cổ phần ưu đãi	60% giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

2.2.2. Cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động tại Viện Dệt May sau khi chuyển đổi thành CTCP có cam kết làm việc lâu dài. Tiêu chí cán bộ là chuyên gia được mua thêm cổ phiếu khi chuyển đổi Viện Dệt May thành CTCP như sau:

- Đáp ứng tiêu chí về trình độ chuyên môn: Có học vị Tiến sĩ, Tiến sĩ khoa học, hoặc có một trong các chức danh: Phó Giáo sư, Giáo sư, Nghiên cứu viên cao cấp, Nghiên cứu viên chính, Kỹ sư cao cấp, Kỹ sư chính hoặc chức danh nghề nghiệp tương đương.
- Hướng dẫn chính ít nhất 01 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ hoặc chủ biên ít nhất 01 sách chuyên khảo.
- Có ít nhất 01 bài báo được đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành Quốc tế có uy tín (ISI) hoặc 03 bài báo khoa học đã được đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia thuộc Danh mục các Tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư do Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước ban hành.
- Có bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích được ứng dụng tại Viện/Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm nghiên cứu liên tục trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Viện và là thành viên Ban chủ nhiệm chương trình/đề tài khoa học cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp sở hoặc cấp Tập đoàn và đã được ứng dụng tại Viện/Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- Đạt giải thưởng quốc tế, giải thưởng uy tín trong nước về khoa học và công nghệ.

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động **đạt một trong các tiêu chí nêu trên**, không vi phạm pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Viện Dệt May, có văn bản cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày Viện Dệt May chuyển đổi thành công ty cổ phần và được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động.

Danh sách CBCNV sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần có 79 người, trong đó có 76 người được mua cổ phần mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần. Viện Dệt May đã lập danh sách lao động mua cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần. Danh sách này được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua hội nghị cán bộ công nhân viên như sau:

Tổng số lao động (người)	79
Tổng số lao động được mua thêm cổ phần (người)	76
Tổng số CP được mua theo cam kết làm việc	304.800 cổ phần tương đương với 6,1% vốn điều lệ.
Giá bán cổ phần mua thêm ưu đãi	Bằng giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

2.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

a. Số lượng nhà đầu tư chiến lược

Tối đa là 03 pháp nhân đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

b. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

- Là tổ chức kinh tế độc lập, có uy tín đã hoạt động trong ngành dệt may tối thiểu 05 năm, tính đến năm trước năm đăng ký là nhà đầu tư chiến lược. Có vốn điều lệ tối thiểu là 300 tỷ đồng, kết quả kinh doanh có lãi 02 năm trước liền kề và không có lỗ lũy kế đến cuối năm trước liền kề năm đăng ký là nhà đầu tư chiến lược. Có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu ở thời điểm cuối của 02 năm trước liền kề năm đăng ký là nhà đầu tư chiến lược dưới 2,5 lần (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật (tư vấn, thẩm định,...), có khả năng hỗ trợ, hợp tác và gắn kết với Viện Nghiên cứu Dệt May – Công ty Cổ phần,
- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài và hỗ trợ Viện Dệt May sau khi chuyển đổi thành công ty Cổ phần. Cam kết thực hiện đúng theo định hướng, phương án chuyển đổi Viện Dệt May thành CTCP đã được phê duyệt.
- Không chuyên nhượng cổ phần được mua trong thời gian 05 năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được Đại hội cổ đông chấp thuận.
- Cam kết bằng văn bản không tham gia bất kỳ thỏa thuận nào nhằm dẫn đến thiệt hại cho Viện Dệt May theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c. Giá bán

- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban Chỉ đạo chuyển đổi thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là giá trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Viện Dệt May sẽ thực hiện giá bán cổ phần cho NĐTCL theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ tại thời điểm bán cổ phần cho NĐTCL.

d. Số lượng cổ phần bán

Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược dự kiến là 2.263.000 cổ phần tương đương với 45,26% vốn điều lệ.

e. Thời gian bán cho NĐT chiến lược: sau khi bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

2.4. Các giải pháp xử lý cổ phần không bán hết

Trường hợp cổ phần chào bán trong đợt IPO và cho CBCNV không bán hết, các biện pháp xử lý sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể, tại Điều 40, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ:

“1. Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

a) Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

b) Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

c) Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

2. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

3. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.”

Khoản 2, 3, Điều 8, Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần:

“2. Bán cổ phần cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá đối với số cổ phần không bán hết.

a) Căn cứ số lượng cổ phần không bán hết quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp lập danh sách và thông báo đến các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá để chào bán công khai tiếp số cổ phần không bán hết trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần.

b) Căn cứ kết quả thỏa thuận bán cổ phần với các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp và nhà đầu tư ký hợp đồng mua/bán cổ phần. Thời gian hoàn tất việc ký hợp đồng mua/bán cổ phần là 15 ngày kể từ ngày nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.

3. Trường hợp cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công.

a) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa về cuộc đấu giá không thành công. Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định điều chỉnh lại mức giá khởi điểm nhưng không thấp hơn mệnh giá để chào bán công khai tiếp theo phương thức thỏa thuận trực tiếp đối với số cổ phần chưa bán được của cuộc đấu giá công khai và số cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt (nếu có) trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

b) Ban chỉ đạo cổ phần hóa quyết định công bố thông tin về việc chào bán công khai tiếp cổ phần theo phương thức thỏa thuận trực tiếp (bao gồm cả thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa theo phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này) tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.

c) Căn cứ kết quả thỏa thuận bán cổ phần với các nhà đầu tư, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp và nhà đầu tư ký hợp đồng mua/bán cổ phần. Thời gian hoàn tất việc ký hợp đồng mua/bán cổ phần là 10 ngày kể từ ngày nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.”

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC BÁN CỔ PHẦN

3.1. Dự toán chi phí

Tổng chi phí cổ phần hóa là: 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Chi phí này được lấy từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

TT	CÁC KHOẢN CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA	Chi phí đã duyệt (đồng)	Chi phí thực tế phát sinh (đồng)		
			Đã chi	Còn phải chi	Cộng
I	Các khoản chi trực tiếp tại doanh nghiệp	39.800.000		149.800.000	149.800.000
2	Chi phí tuyên truyền, công bố thông tin doanh nghiệp		0	15.000.000	15.000.000
3	Chi phí bán cổ phần tại SGGCK: 0,3% x 22.427.500.000đ		0	67.282.500	67.282.500
4	Chi phí lập hồ sơ, bản cáo bạch sở Giao dịch chứng khoán		0	5.000.000	5.000.000

TT	CÁC KHOẢN CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA	Chi phí đã duyệt (đồng)	Chi phí thực tế phát sinh (đồng)		
			Đã chi	Còn phải chi	Cộng
5	Chi phí thuê tư vấn bán cổ phần		0	50.000.000	50.000.000
6	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu			10.000.000	10.000.000
7	Chi phí dự phòng			2.517.500	2.517.500
II	Chi phí thuê tư vấn lập PA CPH (gồm cả việc tư vấn xác định giá khởi điểm để bán CP, điều lệ)	38.500.000	38.500.000	0	38.500.000
III	Tiền thuê kiểm toán tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	77.000.000	77.000.000	20.000.000	97.000.000
-	Để xác định giá trị doanh nghiệp (lần 1)	77.000.000	77.000.000	0	77.000.000
-	Để xác định giá trị doanh nghiệp (lần 2)			20.000.000	20.000.000
IV	Thù lao Ban chỉ đạo CPH và tổ giúp việc	44.700.000	44.700.000	0	44.700.000
	Tổng cộng	200.000.000	160.200.000	169.800.000	330.000.000

3.2. Quản lý và sử dụng tiền thu được

Khoản mục	Giá trị (đồng)
Tiền thu từ bán cổ phần tạm tính theo giá khởi điểm, trong đó:	
Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	1.277.426.160

Tiền thu từ bán mua thêm cho người lao động theo số năm cam kết làm việc lâu dài	3.835.298.400
Tiền thu được từ bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	28.475.329.000
Tiền thu được từ bán đấu giá công khai	28.475.329.000
Tổng cộng	62.063.382.560
Chi phí cổ phần hóa	330.000.000
Chi phí thực hiện chính sách với lao động nghỉ hưu	1.533.119.437
Số tiền thu từ CPH dự kiến nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định	60.200.263.123

PHẦN VI: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Viện Dệt May trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần đã được phê duyệt của Bộ Công thương và các thông tin, số liệu do Viện Dệt May cung cấp, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên các số liệu và thông tin do Viện Dệt May cung cấp.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đầu tư cổ phần của Viện Dệt May.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP

Đại diện Ban chỉ đạo chuyển đổi Viện Dệt May thành Công ty Cổ phần

Thư trưởng Bộ Công Thương



Cao Quốc Hưng

11
NG
PH
KH
NG
T
N
4-

Đại diện Đơn vị được chuyển đổi

Viện trưởng Viện Dệt Mây

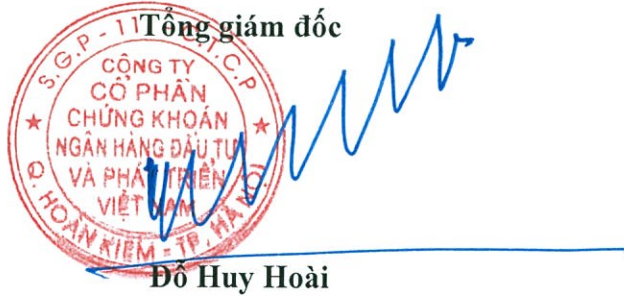


VIỆN DỆT MÂY

Nguyễn Văn Thông

Đại diện Tư vấn Bán đấu giá

Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Đỗ Huy Hoài

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng hiện tại
3	Đang sử dụng làm cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, đào tạo, xưởng thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm tại Tp.Hồ Chí Minh	2.219,6	Đường Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	N/A	Tiếp tục quản lý cơ sở nhà, đất nói trên cho các mục đích nghiên cứu khoa học, thí nghiệm, đào tạo, chứng nhận sản phẩm, sản xuất thực nghiệm và giới thiệu sản phẩm như hiện trạng	Khu đất này đang tiếp tục hoàn tất các thủ tục xin thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp khoa học công lập.